

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 158/2026/HS-ST
Ngày: 16 – 4 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc .

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thu Vân
- Bà Võ Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Giang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 111/2026/HSST ngày 06 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2026/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2026/HSST-QĐ ngày 30 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

1. Hồ Văn L, sinh năm 2000, tại tỉnh Đồng Tháp; thường trú tại: Ấp L, xã L, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn D (đã chết), không rõ tên mẹ; bị cáo chưa có vợ con.

Nhân thân: Ngày 06/8/2025 bị Tòa án nhân dân khu vực 17, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 19 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy và tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo bản án số 27/2025/HSST ngày 06/8/2025.

Bị cáo chấp hành án tại Trại giam T3 – Bộ C1. Đến ngày 05/3/2026, điều chuyển về Phân trại tạm giam Lái Thiêu – Công an Thành phố H. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Minh V, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2004; tại tỉnh An Giang; thường trú tại: Ấp L, xã L, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh C, sinh năm 1971 và bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1969, không rõ

tên mẹ; bị cáo chưa có vợ con; bị cáo có 03 chị em, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất là bị cáo; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tạm giam tại Phân trại tạm giam Lái T1 kể từ ngày 14/02/2025 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Nguyễn Thị Cẩm T2, sinh ngày 05/4/2008; trú tại: Ấp S, xã B, tỉnh Vĩnh Long. Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Kim Thị Sóc K, sinh năm 1987; trú tại: Ấp S, xã B, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Minh V, Hồ Văn L, Nguyễn Hữu N, Nguyễn Thị Ngọc L1 và đối tượng tên “N1” là bạn bè quen biết ngoài xã hội và thường xuyên đăng tin tuyển dụng lên các trang mạng xã hội nhằm mục đích tuyển mộ người là phụ nữ có nhu cầu tìm việc làm để làm nhân viên tại các quán karaoke, nhưng trên thực tế, sau khi tuyển mộ được người thì sẽ bán cho các quán karaoke hoặc quán massage nào có nhu cầu để nhận tiền từ khoảng 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng/01 người.

Ngày 01/9/2022, Nguyễn Thị Cẩm T2, sinh ngày 05/4/2008 đang sinh sống cùng với gia đình tại đường K, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai nay là xã L, tỉnh Đồng Nai. Do bản thân không có nghề nghiệp nên đã tìm kiếm việc làm trên mạng xã hội Facebook và được đối tượng tên “N1” giới thiệu việc làm tại quán karaoke nên T2 đã đồng ý. N1 hẹn T2 ngày 03/9/2022 sẽ qua đón T2 tại huyện T, tỉnh Đồng Nai để đưa T2 đi làm. Sau đó N1 nói lại sự việc trên cho N biết.

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 03/9/2022, Nguyễn Hữu N gọi điện thoại cho N1 hỏi về việc đưa Nguyễn Thị Cẩm T2 đi làm nhân viên quán karaoke nên N1 đưa cho N số điện thoại của T2 để liên lạc và được T2 gửi định vị cho N để N đến đón T2. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, N đi cùng Trần Minh V, Hồ Văn L đi từ phường A, Thành phố Hồ Chí Minh đến đường K, xã L, tỉnh Đồng Nai để đón T2. Trên đường đi, N, V và L thỏa thuận sẽ bán T2 cho quán karaoke với giá 15.000.000 đồng rồi chia nhau tiền tiêu xài. Sau khi đón được T2 và trên đường đưa T2 về căn nhà tại địa chỉ: Số B khu phố D, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh là nơi Vện sinh sống, V sử dụng vật giống khẩu súng bằng kim loại màu đen đe dọa T2, yêu cầu T2 tắt định vị của điện thoại di động, đồng thời N giữ điện thoại của T2 vì lo sợ T2 sẽ gửi định vị cho người khác. Khi về đến nơi, N sử dụng tài khoản Zalo gọi ứng dụng “video call” cho Nguyễn Thị Ngọc L1 để hỏi L1 về việc bán T2 đi làm nhân viên tại các quán karaoke với giá 15.000.000 đồng thì L1 đồng ý và hẹn đến nhà của N để xem mặt T2.

Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, Nguyễn Thị Ngọc L1 đi đến căn nhà tại địa chỉ: Số B khu phố D, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh để xem mặt T2. Lúc này, L1 đi cùng với Đỗ Thị Mai Q và Nguyễn Thị Quỳnh G. Tại đây, L1

thấy T2 không đẹp, nhỏ tuổi và không có giấy tờ tùy thân nên không đồng ý mua T2 để về bán lại cho các quán karaoke trên tỉnh Bình Phước (nay là tỉnh Đồng Nai). Cùng lúc, Nguyễn Hữu N sử dụng mạng xã hội Facebook để đăng thông tin của Nguyễn Thị Cẩm T2 với nội dung “có bé cần nhượng lại” trên các nhóm tuyển dụng nhân viên karaoke nhằm mục đích tìm các đối tượng có nhu cầu muốn mua T2 làm việc tại các quán karaoke nhưng không có quán karaoke nào nhận mua. Do không tìm được quán karaoke nhận mua T2, N đe dọa bắt T2 đi làm tại các quán massage thì T2 không đồng ý và đòi về nên N dùng tay đánh T2 và tiếp tục đe dọa ép buộc T2 đi làm massage, đồng thời N cùng V, L và L1 giữ T2 lại ở phòng và không cho T2 về nhà.

Khoảng 30 phút sau, N và L1 qua phòng của T2 đang bị giữ, lúc này chỉ có Nhân và L1 và T2 tại phòng. N và L1 ép buộc T2 viết giấy nợ N và L1 số tiền 35.000.000 đồng nhằm mục đích đưa T2 vào tình thế lệ thuộc N và L1, để khi có quán massage hoặc quán karaoke đồng ý mua T2 thì N và L1 sẽ bán T2 cho quán đó với giá 35.000.000 đồng như giấy mượn tiền T2 đã ký. N và L1 thỏa thuận bán được T2, N sẽ chia cho L1 15.000.000 đồng và N giữ 20.000.000 đồng để chia cho N, V và L.

Khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày, Trần Minh V kiểm tra và phát hiện điện thoại di động của Nguyễn Thị Cẩm T2 bị mất nên V, Nguyễn Thị Ngọc L1, Đỗ Thị Mai Q và đối tượng B thay phiên nhau dùng vũ lực đánh T2. Trần Minh V dùng tay, chân đánh T2, đồng thời sử dụng sòng dẹt dao tự chế đập vỡ điện thoại di động của T2. Nguyễn Hữu N dùng tay đánh vào vùng mặt của T2 nhiều lần. Đỗ Thị Mai Q dùng vỏ chai nhựa đánh T2. Bị cáo L ném điện thoại di động của T2, đồng thời sử dụng 01 cây búa đánh vào lòng bàn chân của T2 nhưng không gây thương tích. Sau đó cả nhóm xuống dưới lầu để ăn uống.

Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, sau khi cả nhóm ăn uống xong, N kêu T2 sang phòng của Trần Thị Thảo Q1 là chị của V để ngủ, đến sáng sẽ đưa T2 đi làm tại quán massage, nếu T2 không đồng ý thì N sẽ bán T2 sang Campuchia. Lúc này, V đẩy T2 vào trong góc phòng, N kêu Q, L1, G nằm chắn ở ngoài, đóng cửa phòng và Q1 nằm võng chắn ngay cửa phòng để cùng nhau canh giữ T2.

Khoảng 08 giờ ngày 04/09/2022, T2 ngủ dậy trước và thấy N cùng những người khác vẫn còn ngủ nên T2 đi xung quanh căn nhà để tìm đường trốn thoát. T2 tìm thấy cửa thông gió gần phòng vệ sinh ở lầu 01 mở nên T2 đã trèo qua, đu người và nhảy xuống đất của căn nhà bên cạnh rồi nhờ mọi người cứu giúp, đồng thời trình báo Công an phường A tiếp nhận, xử lý theo quy định.

Đối với Nguyễn Hữu N và Nguyễn Thị Ngọc L1 phạm tội “Mua bán người dưới 16 tuổi” và “Giữ người trái pháp luật”; Trần Thị Thảo Q1 và Đỗ Thị Mai Q phạm tội “Giữ người trái pháp luật” đã bị xét xử theo Bản án số 295/2023/HSST ngày 23/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh) đồng thời xử lý vật chứng theo quy định.

Quá trình điều tra, Trần Minh V đã bị khởi tố về tội Mua bán người dưới 16 tuổi và Giữ người trái pháp luật, quy định tại khoản 1 Điều 151 và khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự, nhưng đã bỏ trốn nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H) đã ra Quyết định truy nã, Quyết định tách vụ án hình sự và Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can đối với Trần Minh V. Đến ngày 14/02/2025, Trần Minh V đầu thú tại Công an phường A đồng thời khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Cáo trạng số 244/CTVKS16 ngày 06 tháng 3 năm 2026 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trần Minh V và Hồ Văn L về tội Mua bán người dưới 16 tuổi theo điểm c khoản 1 Điều 151 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và tội Giữ người trái pháp luật theo điểm e khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và xác định:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Kiểm sát viên đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 151; điểm e khoản 2 Điều 157; Điều 38, Điều 46, Điều 47, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Hồ Văn L từ 8 năm đến 09 năm tù đối với tội Mua bán người dưới 16 tuổi; từ 03 năm đến 04 năm tù tội Giữ người trái pháp luật.

Kiểm sát viên đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 151; điểm e khoản 2 Điều 157; Điều 38, Điều 46, Điều 47, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Minh V từ 8 năm đến 09 năm tù đối với tội Mua bán người dưới 16 tuổi; từ 03 năm đến 04 năm tù tội Giữ người trái pháp luật.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Cẩm T2 yêu cầu Trần Minh V bồi thường số tiền 10.000.000 đồng, bị cáo V tự nguyện bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi như Cáo trạng truy tố và không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, cán bộ điều tra, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không khiếu nại, tố cáo về các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Ngày 03/9/2022, tại căn nhà số B khu phố D, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh), Trần Minh V và Hồ Văn L đã có hành vi tuyển mộ, rao bán Nguyễn Thị Cẩm T2, sinh ngày 05/4/2008, là người dưới 16 tuổi cho các quán karaoke, massage. Sau đó, V và L tiếp tục giữ T2 trái pháp luật, không cho trốn thoát nhằm mục đích bán cho các cơ sở này. Hành vi của Trần Minh V và Hồ Văn L đã trực tiếp xâm phạm đến quyền tự do thân thể, sức khỏe của con người được pháp luật bảo vệ. Trong vụ án này, Trần Minh V và Hồ Văn L là những người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội.

Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo về tội Mua bán người dưới 16 tuổi theo điểm c khoản 1 Điều 151 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và tội Giữ người trái pháp luật theo điểm e khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền tự do thân thể, quyền được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, đồng thời xâm phạm nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm của bị hại. Đối với hành vi mua bán người, các bị cáo đã coi con người như hàng hóa để trao đổi, xâm phạm trực tiếp đến quyền nhân thân cơ bản của con người; còn đối với hành vi giữ người trái pháp luật, các bị cáo đã tước đoạt, hạn chế quyền tự do thân thể của bị hại trong một khoảng thời gian nhất định. Những hành vi này không chỉ gây tổn hại về thể chất, tinh thần đối với bị hại mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, nhằm đảm bảo tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, trước khi quyết định hình phạt cần xem xét tính chất, mức độ phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội ăn năn hối cải nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về vai trò từng bị cáo: Đây là vụ án có đồng phạm, các bị cáo có sự cấu kết, phân công vai trò trong quá trình thực hiện tội phạm; các đối tượng khác đã bị xét xử nên Hội đồng xét xử không xem xét lại. Trong vụ án này, bị cáo Trần

Minh V và bị cáo Hồ Văn L đều trực tiếp tham gia đón bị hại, biết rõ mục đích bán bị hại để thu lợi nhưng vẫn cùng thực hiện, đồng thời tham gia khống chế, canh giữ không cho bị hại bỏ trốn. Do đó, hai bị cáo có vai trò ngang nhau trong vụ án.

[7] Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định các bị cáo đã ép buộc bị hại Nguyễn Thị Cẩm T2 viết giấy nợ số tiền 35.000.000 đồng. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, bị hại không thực tế nhận bất kỳ khoản tiền nào từ các bị cáo, đồng thời cũng không có việc bị hại giao nộp tiền hoặc tài sản cho các bị cáo. Mục đích của việc ép viết giấy nợ không nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại mà nhằm tạo sự ràng buộc về tâm lý, đưa bị hại vào tình trạng lệ thuộc để các bị cáo dễ dàng quản lý, khống chế và thực hiện việc bán bị hại cho các cơ sở kinh doanh karaoke, massage nhằm thu lợi bất chính. “Giấy nợ” chỉ là công cụ do các bị cáo tạo ra nhằm hợp thức hóa việc khống chế bị hại, không làm phát sinh quan hệ vay mượn tài sản trên thực tế. Do đó, hành vi này không có mục đích chiếm đoạt tài sản mà Hội đồng xét xử xác định hành vi nêu trên là thủ đoạn nhằm thực hiện tội “Mua bán người dưới 16 tuổi” và “Giữ người trái pháp luật.

[8] Quá trình điều tra xác định, trong lúc khống chế bị hại Nguyễn Thị Cẩm T2, các bị cáo đã có hành vi đập phá điện thoại di động của bị hại. Theo Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự, giá trị điện thoại là 1.500.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi nêu trên có dấu hiệu làm hư hỏng tài sản của người khác. Tuy nhiên, giá trị tài sản bị thiệt hại là 1.500.000 đồng, chưa đủ định lượng để cấu thành tội “Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định của Bộ luật Hình sự; đồng thời không có căn cứ xác định thuộc các trường hợp khác làm phát sinh trách nhiệm hình sự. Mặt khác, bị hại không có yêu cầu bồi thường đối với thiệt hại này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết về trách nhiệm dân sự.

[9] Xét đề nghị của kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử xem xét.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chỉ yêu cầu bị cáo V bồi thường 10.000.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo V tự nguyện bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điểm c khoản 1 Điều 151, điểm e khoản 2 Điều 157, Điều 38, Điều 46, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 56 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Điều 106 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Trần Minh V và Hồ Văn L phạm tội “Mua bán người dưới 16 tuổi” và tội “Giữ người trái pháp luật”.

Xử phạt bị cáo Hồ Văn L **07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội “mua bán người dưới 16 tuổi” và 03 (ba) năm tù về tội “Giữ người trái pháp luật. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung hai tội là 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 19 năm tù theo Bản án số 27/2025/HS-ST ngày 06/8/2025, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 29 (hai mươi chín) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/5/2025.

Xử phạt Trần Minh V **07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội “mua bán người dưới 16 tuổi” và 03 (ba) năm tù về tội “Giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp hình phạt buộc Trần Minh V phải chấp hành hình phạt chung hai tội là 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/02/2025.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Minh V bồi thường cho Nguyễn Thị Cẩm T2 số tiền 10.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bị cáo Trần Minh V và Hồ Văn L phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Minh V phải chịu 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Tp Hồ Chí Minh;
- TAND Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 16 - TPHCM;
- Phòng thi hành án dân sự KV 16;
- Cơ quan CSĐT Công an Tp.HCM;
- Cơ quan THAHS Tp Hồ Chí Minh;
- Bị cáo; các đương sự khác
- Lưu: HS, THAHS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngọc